

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 163/2021/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 11 năm 2021 và thụ lý bổ sung số 163a/2021/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 12 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị K, sinh năm 2000.

Địa chỉ tạm trú: Khóm 1, phường B, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Đăng ký hộ khẩu: Ấp A, xã BT, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1992.

Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã BT, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Huỳnh U, sinh năm 1979.

Địa chỉ cư trú: Khóm 1, phường B, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 59, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 12 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 12 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị K và anh Nguyễn Văn M.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: chị Lê Thị K và anh Nguyễn Văn M tự nguyện thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- Về nuôi con chung: chị Lê Thị K và anh Nguyễn Văn M tự nguyện thỏa thuận như sau: anh Nguyễn Văn M được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn Q, sinh ngày 07/3/2019 (hiện anh M đang nuôi dưỡng con chung). Chị Lê Thị K không cấp dưỡng cho con do anh Nguyễn Văn M không có yêu cầu. Anh Nguyễn Văn M cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở chị Lê Thị K trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về chia tài sản chung: Chị Lê Thị K và anh Nguyễn Văn M tự nguyện thống nhất thỏa thuận như sau:

+ Chị Lê Thị K tự nguyện thống nhất chia tài sản chung của vợ chồng cho anh Nguyễn Văn M có trị giá với số tiền là 48.500.000đ (Bốn mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng chẵn).

+ Chị Lê Thị K tiếp tục quản lý, sở hữu, sử dụng tài sản chung gồm: Một chiếc xe honda hiệu VISION, biển số 66H1- 384.32, số máy JE86E22767774, số khung 5831KY266727 do chị Lê Thị K đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, trị giá là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), 02 (hai) chỉ vàng 18krara trị giá 7.000.000đ (bảy triệu đồng) và tiền mặt là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày anh Nguyễn Văn M có đơn yêu cầu thi hành án chị Lê Thị K chưa thi hành xong số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền chưa thi hành án, tại thời điểm thi hành án.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Lê Thị K và anh Nguyễn Văn M tự nguyện thỏa thuận:

+ Chị Lê Thị K chịu 75.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 1.212.000đ tiền án phí chia tài sản chung. Vậy chị Lê Thị K chịu tổng cộng 1.287.000 đồng được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số 0006303 ngày 03 tháng 11 năm 2021. Vậy chị Lê Thị K phải nộp thêm 987.000đ (chín trăm tám mươi bảy nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

+ Anh Nguyễn Văn M chịu 75.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 1.213.000đ tiền án phí chia tài sản chung. Anh Nguyễn Văn M chịu tổng cộng 1.288.000 đồng được khấu trừ vào 1.213.000đ (một triệu hai trăm mười ba nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số

0006372 ngày 01 tháng 12 năm 2021. Vậy anh Nguyễn Văn M phải thêm 75.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố H;
- UBND xã BT, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đặng Mai Trinh